TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Kiều Thị Kim Dung

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Yến Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Bích L, sinh năm 1981

Địa chỉ: số C ấp N, xã N, thành phố T, tỉnh Long An; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Bradley M Rivera, sinh năm 1989.

Hộ chiếu số: 577989443 cấp ngày 08/02/2018.

Quốc tịch: Hoa K

Địa chỉ: số A William B Bronx N 10461; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/9/2023, nguyên đơn bà Đặng Thị Bích L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông B M Rivera có tìm hiểu nhau một thời gian và tiến đến Hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An ngày 27/9/2018 theo giấy đăng ký kết hôn số 21. Sau khi kết hôn, bà và ông B M Rivera không sống cùng nhau, bà thì sống tại Việt Nam, còn ông B M Rivera thì sống tại Mỹ. Ông bà chỉ liên lạc với nhau thông qua điện thoại từ khi kết hôn cho đến nay mà không chung sống cùng nhau ngày nào. Nay bà nhận thấy điều kiện giữa bà và ông B M Rivera xa xôi, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà và ông B M Rivera được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông B M Rivera không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn ông B M Rivera có ý kiến trình bày tại Bản trình bày ý kiến được hợp pháp hóa Lãnh sự ngày 11 tháng 01 năm 2024 như sau: Ông thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà Đặng Thị Bích L về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Nay bà L có yêu cầu ly hôn, ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Đặng Thị Bích L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà Đặng Thị Bích L hiện đang cư trú tại Việt Nam, khởi kiện về việc ly hôn đối với ông Bradley M Rivera hiện đang cư trú tại Mỹ nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

[1.2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Đặng Thị Bích L và bị đơn ông B M Rivera đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Theo Giấy đăng ký kết hôn số 21 ngày 27/9/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Long An thì bà Đặng Thị Bích L và ông Bradley M R là vợ chồng hợp pháp. Xét thấy, bà Đặng Thị Bích L và ông B M Rivera tự tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn thì bà L tiếp tục sinh sống tại Việt Nam, còn ông B M Rivera quay về Mỹ sinh sống. Bà L và ông B M Rivera chỉ liên lạc với nhau bằng điện thoại kể từ khi kết hôn cho đến nay, không có sống chung, do điều kiện quá xa và tình cảm vợ chồng không còn, cả hai không còn liên lạc với nhau nữa, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L thì ông Bradley M R cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông B M Rivera đã *".... lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*" theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đặng Thị Bích L.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Đặng Thị Bích L và ông B M Rivera xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Đặng Thị Bích L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 153 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bích L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Bích L được ly hôn với ông Bradley M R.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị Bích L và ông B M Rivera xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Bích L phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số 0000192 ngày 23/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho bà Đặng Thị Bích L và 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho ông B M Rivera.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân TP. Tân An;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc……giờ…….phút, ngày 18 tháng 7 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn C

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Kiều Thị Kim D.

2. Bà Nguyễn Thị N.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc *"Ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 09/8/1992.

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã A, huyện Đ, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: 985-0033 Miyagiken shiogama – shi hanadate – cho 17 – 11 sanhaishiyamaki 201 bango.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thành L1, sinh ngày 07/5/1992.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Long An.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Hội đồng xét xử sơ thẩm sau khi nghị án thống nhất biểu quyết 3/3;

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 39, 147, 153 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Thành L1.

[2] Về con chung: Giao cho ông Nguyễn Thành L1 được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 29/3/2013.

[3] Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng để nuôi con chung Nguyễn Trọng Q, sinh ngày 29/3/2013 cho đến khi tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi

con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84, 85, 110,116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh T chịu 2.900.000 đồng. Bà T đã nộp xong.

[7] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị Thanh T đã nộp theo biên lai thu số 0000387 ngày 23/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

[8] Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Thành L1 và 30 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ cho bà Nguyễn Thị Thanh T theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các Hội thẩm nhân dân		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Kiều Thị Kim Dung	**Nguyễn Thị Nhường**	**Nguyễn Văn Cảnh**